TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **61**/2018/DS-PT
Ngày 14-5-2018
V/v Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLDS-PT ngày 05/3/2018 về Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐ-PT ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972.
Trú tại: Số nhà 17, thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đình N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 66 thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng *(theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2018).*

Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1969.
Trú tại: 62/2 đường H, phường S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn B, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số nhà 17, thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Trần Thị V, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số nhà 63/2, đường H,

phường S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;

Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn Thạch Thất 1, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Vũ T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: số nhà 183, thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Mai Thị Hồng P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn 4, ấp B, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số nhà 468, quốc lộ 20, TT N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Do có kháng cáo của: Bà Nguyễn Thị B – Nguyên đơn.

(Ông Nam, ông T và bà V có mặt tại phiên tòa, bà B, ông M vắng mặt, những người làm chứng Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Nguyễn Thị B trình bày: Do giữa bà B và ông Nguyễn Công T có mối quan hệ quen biết qua bạn bè và ông T có rủ chồng bà B là ông Nguyễn B làm ăn với Công ty T. Vì vậy, ngày 28/5/2015 bà B đã cho ông T vay số tiền 400.000.000 đồng, cùng ngày bà B đã chuyển số tiền này vào tài khoản 711A16971053 của ông T tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng. Khi cho vay hai bên không thoả thuận lãi suất, khi nào bà B cần sẽ yêu cầu ông T trả. Đến tháng 02/2017 do thấy công việc làm ăn của ông T không ổn nên bà B đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền trên nhưng ông T không trả. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc 400.000.000 đồng và lãi suất 76.360.000 đồng tính từ ngày 28/5/2017 đến ngày khởi kiện 22/5/2017 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Ngày 15/9/2017 bà B có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông T chỉ thừa nhận có nhận số tiền này nhưng không xác nhận là khoản tiền vay nên bà B chỉ kiện đòi ông T trả số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Mục đính bà B chuyển số tiền này cho ông T là cho ông T vay nhưng bà B không có chứng cứ, tài liệu gì chứng minh việc cho vay mà chỉ có chứng cứ chứng minh đã chuyển tiền vào tài khoản ông T là giấy nộp tiền ngày 28/5/2015. Khi bà B chuyển tiền cho ông T thì ông M không biết, sau đó ông M mới biết. Bản thân bà B không làm ăn mua bán gì

với vợ chồng ông T và Công ty T, chỉ có chồng bà là ông M có tham gia mua hàng đa cấp của công ty tại đại lý Phụng H.

Bị đơn ông Nguyễn Công T trình bày: Ông xác nhận ngày 28/5/2015 ông có nhận 400.000.000 đồng của bà B chuyển vào tài khoản số 711A16971053 của ông tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, ông khẳng định số tiền này không phải là tiền bà B cho ông vay mà là tiền bà B thanh tóan trả tiền mua hàng cho chồng là ông Nguyễn B. Cụ thể: ông là chủ đại lý Phụng H tại thành phố B, vợ ông bà Trần Thị V là chủ đại lý Phụng H tại huyện Di Linh của Công ty T, đại lý của vợ chồng ông tư vấn, cung cấp hàng hóa của công ty cho khách hàng và hưởng 6% tiền hoa hồng trên doanh số mua hàng. Cuối tháng 5/2015 thông qua vợ chồng bà Vũ Thị L thì ông quen biết ông M, ngày 26/4/2015 vợ chồng ông M, bà B có mua 13 sản phẩm gồm áo lót nữ, nồi áp suất, mỹ phẩm với đại lý Phụng H tại huyện Di Linh và đã trả đủ tiền cho 13 sản phẩm này.

Đến ngày 28/5/2015 vợ chồng bà B, ông M mua thêm 40 sản phẩm tại đại lý Phụng H Di Linh với các mã đơn hàng từ 5528NR03 đến 55528NR42, gồm: 30 đơn hàng mỹ phẩm Khanyidao, mỗi đơn hàng trị giá 11.800.000 đồng và 10 đơn hàng sản phẩm máy ozone (dùng để khử hóa chất độc hại trên rau củ quả), mỗi đơn hàng trị giá 10.700.000 đồng. Tổng cộng trị giá của các đơn hàng này là 461.000.000 đồng, lý do bà B được nợ lại công ty 61.000.000 đồng là do ông đã bảo lãnh cho bà B. Ngày 03/6/2015 ông đã trả 461.000.000 đồng cho bà Lưu Thị H – nhân viên thu ngân của Công ty T- trong đó có 61.000.000 đồng ông ứng trả trước thay cho bà B nên đến ngày 05/06/2015 bà B chuyển trả thêm cho ông 50.000.000 đồng thông qua tài khoản của ông tại Quỹ tính dụng nhân dân Tân Hà, huyện L, hiện bà B vẫn còn nợ ông 11.000.000 đồng bà B còn nợ lại thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ này.

Trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của chồng là ông T. Bà là chủ đại lý Phụng H tại huyện Di Linh của Công ty T, bà xác nhận vợ chồng bà B, ông M có mua hàng của công ty tại đại lý của bà, để trả tiền mua hàng bà B có chuyển số tiền 400.000.00 đồng vào tài khoản ông T nhờ ông T chuyển trả cho công ty và công ty đã xuất hóa đơn cho vợ chồng ông M, bà B. Theo quy định của công ty thì sau khi nhận hóa đơn, trường hợp khách hàng nếu không nhận được hàng trực tiếp từ công ty thì có thể cầm hóa đơn đến bất cứ đại lý nào của công ty trên toàn quốc giao hóa đơn đã thu tiền và nhận hàng. Vì vậy, đại lý của bà chỉ giao hàng của một số đơn hàng còn những đơn hàng còn lại bà B đã cầm hóa đơn đến đại lý khác để nhận hàng. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 400.000.000đồng thì bà không đồng ý vì chồng bà không vay tiền của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn B trình bày: Thông qua người bạn (có tham gia mua bán hàng đa cấp với Công ty T) rủ ông đến tham

quan cơ sở Thiên Ngọc Minh Uy và ông đã cùng bạn tham quan đại lý của công ty tại thành phố B và huyện Di Linh, trong những lần tham quan này ông chỉ đi cho biết, không tham gia mua bán bất cứ hàng hóa gì với Công ty T hay với đại lý Phụng H của ông T, bà V và cũng không có ký nhận bất cứ giấy tời mua bán nào. Đối với các đơn đặt hàng ghi tên Phương và tên Quyết thì ông không biết hai người này là ai. Việc vợ ông là bà B chuyển cho ông T vay 400.000.00 đồng ông có biết. Ông không đồng ý ông T trình bày bà B chuyển tiền cho ông T là tiền mua bán hoàng hóa của vợ chồng ông với đại lý Phụng H.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố B đã xử :

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đòi ông Nguyễn Công T trả số tiền 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng*) theo Giấy nộp tiền ngày 28/5/2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị B phải trải lại cho ông Nguyễn Công T 1.600.000 *(Một triệu sáu trăm ngàn)* đồng tiền chi phí cho người làm chứng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 20.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà B đã nộp là 11.526.800 đồng (do ông Dương Đình N nộp thay) theo biên lai số 0005938 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà B còn phải nộp 8.473.200 đồng.

Ngày 29/01/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Dương Đình N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 bà B yêu cầu ông T trả cho bà B 400.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi. Ngày

15/9/2017 bà B có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi tài sản yêu cầu ông T trả 400.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Đòi lại tài sản"* là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà B thì thấy rằng:

Nguyên đơn bà B và bị đơn ông T đều thừa nhận ngày 28/5/2015 bà B có chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản số 711A16971053 của ông T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng nên việc ông T có nhận của bà B 400.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, theo lời khai của nguyên đơn bà B và bị đơn ông T có sự mâu thuẫn. Bà B khai do ông T và chồng bà là ông Nguyễn B có quan hệ làm ăn với Công ty T nên ngày 28/5/2015 bà B đã cho ông T vay 400.000.000 đồng và trong cùng ngày bà B đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản 711A16971053 của ông T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào bà B cần thì ông T sẽ trả. Ông T khai ông T có nhận của bà B 400.000.000 đồng thông qua tài khoản nêu trên nhưng không phải là tiền bà B cho ông T vay mà là tiền bà B thanh toán trả tiền mua hàng cho chồng bà B là ông Nguyễn B.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Tại đơn trình bày ngày 02/6/2017 (BL 159) bà B viết gửi cho Công ty T với nội dung "*...vợ chồng tôi có tham gia vào Công Ty M là 53 mã số vi tính và tới ngày 13 tháng 2 năm 2016 tôi đã vào thêm tổng số là 81 mã số vi tính. Gia đình tôi đã dùng liệu trình và lấy một số đồ dùng của công ty về dùng rồi hiện giờ tôi còn 10 hóa đơn đỏ chưa dùng tới"*. Mặt khác, theo các tin nhắn bà B xác nhận bà B đã gửi từ số điện thoại của bà B 0983854057 đến số điện thoại 0989673339 của ông T với nội dung: *"Em chuyển tiền vào tài khoản của anh thì anh trả lại cho em vì giờ em không biết ai để đòi nữa, công ty gì mà toàn bọn lừa đảo giờ không tin đứa nào cả. Em buồn quá có vậy mà anh không hộ em được thì giờ em biết nhờ ai đây, sao lúc anh nói em tham gia vào công ty em thấy anh sốt sắng thế mà giờ thấy sao sao"*. Tại các tin nhắn Zalo có tên tài khoản Lha Mạnh Bình, bà B xác nhận bà B nhắn gửi cho bà V có nội dung: *"Công ty lừa đảo mà cứ giới thiệu với quảng bá làm gì cho những người thân của mình hả chị, hiện giờ em đang sắp chết vì không có tiền trả nợ vì cái lũ lừa đảo đấy. Anh Tài nói trong vòng 3 năm là ra hết giờ 2 năm rồi vẫn chưa thấy gì, chị nói anh Tài lo trả em 400 triệu đi nhé vài hôm em cho người xuống lấy"*. *"Vì tôi còn 10 hóa đơn của Công Ty M nhờ anh lấy lại số tiền đó nhưng thấy anh khó khăn quá, gọi điện cho bọn nhân viên bọn nó không biết tôi là ai và không thèm nói chuyện với tôi và chỉ trả lời là đưa tiền cho ai thì gặp người đó"*. Theo các lời khai của người làm chứng Lưu Thị H – Nhân viên thu ngân của Công ty T, phụ trách việc xuất hóa đơn và thu tiền mua hàng của khách hàng tại cơ sở đại lý Phụng H ở Di Linh trình bày: Ngày 28/5/2015 ông T có gọi điện nói khách hàng tên Nguyễn Bá Mạnh muốn mua thêm 40 sản phẩm này là 461.000.000 đồng, vì vậy cùng ngày chị Hạnh đã xuất hóa đơn của 40 sản phẩm trên và giao hóa đơn cho bà Mai Thị Hồng P, đến ngày 03/6/2015 ông T gặp chị Hạnh và đưa số tiền 461.000.000 đồng cho chị Hạnh. Người làm chứng Mai Thị Hồng P – Chuyên viên

kinh doanh của Công Ty M trình bày: Bản thân chị P là người thường xuyên làm việc trực tiếp với bà B (tư vấn bán hàng) nên bà B có nhờ chị P ký thay vào các đơn đặt hàng của ông M chồng bà B. Sau đó chị Hạnh là nhân viên thu ngân của công ty nhờ chị P cầm các đơn đặt hàng giao cho bà B và chị P đã trực tiếp giao các đơn đặt hàng này cho bà B tại Lâm Hà.

Như vậy đối chiếu với các chứng cứ có hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà B và ông M có mối quan hệ mua bán hàng hóa với Công ty T tại đại lý Phụng H huyện Di Linh do bà V (vợ ông T) làm chủ đại lý, số tiền 400.000.000 đồng bà B chuyển cho ông T là thanh toán tiền mua hàng, giữa bà B và ông T không có quan hệ vay mượn tiền, ông T là người đứng ra giao dịch trung gian về việc mua bán giữa bà B với Công ty T. Cũng theo hồ sơ thể hiện, ngày 05/06/2015 bà B chuyển trả thêm cho ông T 50.000.000 đồng thông qua tài khoản của ông tại Quỹ tín dụng nhân dân Tân Hà, huyện L (BL 238 đến 241) hiện bà B vẫn còn nợ ông T 11.000.000 đồng nhưng ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm..

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Phần tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đòi ông Nguyễn Công T trả số tiền 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng*) theo Giấy nộp tiền ngày 28/5/2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị B phải trải lại cho ông Nguyễn Công T 1.600.000 *(Một triệu sáu trăm ngàn)* đồng tiền chi phí cho người làm chứng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 20.000.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 11.526.800 đồng tạm ứng án phí đã nộp (do ông Dương Đình N nộp thay) theo biên lai số 0005938 ngày 22/6/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002187 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà B còn phải nộp 8.473.200 đồng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Lâm Đồng;
-TAND TP Bảo Lộc (02);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt